

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2025/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

*Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của
Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của
Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân
tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã,
thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của
Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;*

*Căn cứ Nghị định 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính
phủ và Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng
6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh
vực giáo dục;*

Căn cứ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BLDTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 557/TTr-SGDĐT ngày 27 tháng 02 năm 2025 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 522/TTr-SNV ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Vị trí và chức năng**

1. Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên, giáo dục đại học ở địa phương theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trụ sở chính: Số 81, phố Thợ Nhuộm và số 23 phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**1. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố**

a) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp Thành phố, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố liên quan đến các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực giáo dục và đào tạo; chương trình, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố trong phạm vi quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo;

c) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo đối với Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật;

d) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

đ) Ban hành văn bản hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về giáo dục; phương án tích hợp nội dung về mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo vào quy hoạch Thành phố theo Luật Quy hoạch và các quy định có liên quan; kế hoạch phát triển giáo dục; kế hoạch, chương trình, dự án phát triển giáo dục trung học phổ thông; kế hoạch triển khai Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông được phân công trên phạm vi địa bàn Thành phố; các văn bản pháp luật về giáo dục theo thẩm quyền;

e) Văn bản chấp thuận về việc thành lập, cho phép thành lập; sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học; trường cao đẳng, phân hiệu của trường cao đẳng trên địa bàn;

g) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo phân công về công tác giáo dục và đào tạo ở Thành phố:

a) Thành lập hoặc cho phép thành lập, thu hồi quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, chuyển đổi loại hình trường đối với cơ sở giáo dục công lập, tư thục, bao gồm: trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông, Trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội, trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh và các cơ sở giáo dục khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo quy định. Quyết định cho phép thành lập, quyết định giải thể hoặc chấm dứt hoạt động đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài (trừ cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức liên chính phủ đề nghị thành lập) theo quy định của pháp luật;

b) Ban hành quyết định, chỉ thị và các văn bản khác về lĩnh vực giáo dục thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo phân công;

c) Khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong hoạt động giáo dục tại địa phương;

d) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án và các văn bản khác về giáo dục và đào tạo sau

khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực theo nhiệm vụ quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo.

4. Quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực; hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các cơ sở giáo dục đại học; trường cao đẳng, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh theo phân cấp của Chính phủ và theo các lĩnh vực, nhiệm vụ do Bộ Giáo dục và Đào tạo giao.

6. Tham gia thẩm định thực tế đề án thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn.

7. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo và người có chức danh theo dõi giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

8. Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp; kế hoạch, chương trình, dự án, đề án và các nội dung khác về giáo dục sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ; công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, xây dựng trường chuẩn quốc gia và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn; công tác tuyển sinh, thi, cấp, thu hồi văn bằng, chứng chỉ, kiểm định chất lượng giáo dục đối với các phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý.

10. Quản lý các hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường và ngoài nhà trường; chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, an toàn trường học; tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; thực hiện và chỉ đạo thực hiện công tác truyền thông giáo dục trên địa bàn.

11. Quản lý về chuyên môn đối với việc thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên của các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo quy định.

12. Quyết định cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục đối với trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp trung học phổ thông, trường phổ thông chuyên biệt, trường mầm non thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các trung tâm ngoại ngữ, tin học trên địa bàn (trừ các trung tâm ngoại ngữ, tin học thuộc đại học, trường đại học, trường cao đẳng hoạt động trong khuôn viên của trường), cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài (trừ cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam).

13. Quyết định công nhận hội đồng trường, công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng trường, bổ sung, kiện toàn hội đồng trường đối với trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp trung học phổ thông, trường phổ thông chuyên biệt, trường mầm non, Trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

14. Công nhận hội đồng trường, công nhận, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch hội đồng trường, các thành viên của hội đồng trường, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố.

15. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp và nhà giáo; tổ chức hội giảng nhà giáo trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp Thành phố, các hội thi có liên quan đến người học các chương trình giáo dục nghề nghiệp.

16. Tổ chức thực hiện việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể, đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp; việc thành lập, công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận; việc thành lập, đình chỉ hoạt động phân hiệu của trường trung cấp; việc công nhận, không công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục, việc công nhận, miễn nhiệm giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục. Thực hiện việc công nhận Hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục; việc cấp, đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đăng ký

hoạt động liên kết với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp.

17. Rà soát, xây dựng, quản lý danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo khác; tổ chức thực hiện quy định về đào tạo trình độ trung cấp, sơ cấp, đào tạo thường xuyên, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo nghề trong doanh nghiệp; thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động nông thôn, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, lao động nữ và các đối tượng chính sách khác.

18. Cấp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, quyết định đình chỉ hoạt động đối với các tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

19. Triển khai thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp ở Thành phố sau khi được phê duyệt; sắp xếp, tổ chức hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

20. Xây dựng dự toán ngân sách giáo dục, quyết định phân bổ, giao dự toán ngân sách đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; duyệt quyết toán, thông báo quyết toán năm và tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách của các cơ sở giáo dục trực thuộc; phối hợp với Sở Tài chính xác định, cân đối ngân sách nhà nước chi cho giáo dục hằng năm của địa phương trình cấp có thẩm quyền; hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc cấp, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác cho giáo dục trên địa bàn Thành phố.

21. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện huy động các nguồn lực để phát triển giáo dục, bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trực thuộc; quản lý tài chính, tài sản, cơ sở vật chất được giao theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc phạm vi quản lý trước Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Giáo dục và Đào tạo và xã hội.

22. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức thuộc cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

23. Phân bổ số lượng người làm việc theo vị trí việc làm cho các cơ sở giáo dục trực thuộc theo quy định; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chính sách đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố và theo quy định của pháp luật.

24. Thực hiện cải cách hành chính, công tác thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

25. Quản lý tài chính, tài sản, cơ sở vật chất được giao theo quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân Thành phố.

26. Thường xuyên cập nhật thông tin về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thuộc phạm vi quản lý vào cơ sở dữ liệu ngành giáo dục. Thực hiện đầy đủ và kịp thời chế độ báo cáo định kỳ hằng năm và đột xuất về thống kê, công khai lĩnh vực giáo dục của địa phương thuộc phạm vi quản lý với Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

27. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Các phòng và tương đương thuộc Sở (11 phòng)

- a) Văn phòng;
- b) Thanh tra;
- c) Phòng Tổ chức cán bộ;
- d) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- đ) Phòng Quản lý thi và Kiểm định chất lượng giáo dục;
- e) Phòng Chính trị, tư tưởng và Công tác học sinh, sinh viên;
- g) Phòng Giáo dục mầm non;
- h) Phòng Giáo dục tiểu học;
- i) Phòng Giáo dục trung học;
- k) Phòng Giáo dục thường xuyên, Giáo dục nghề nghiệp và Đại học;
- l) Phòng Giáo dục tư thực và có yếu tố nước ngoài.

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở

- a) Khối các trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông;
- b) Khối cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- c) Trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội;
- d) Khối các trường dành cho học sinh khuyết tật;
- đ) Khối các trường mầm non.

(có danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 4. Giám đốc, Phó Giám đốc và số lượng cấp phó các tổ chức, đơn vị thuộc Sở**1. Giám đốc và Phó Giám đốc Sở**

- a) Sở Giáo dục và Đào tạo có Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- b) Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố;
- c) Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở, giúp Giám đốc Sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc sở vắng mặt, một Phó Giám đốc sở được Giám đốc sở ủy quyền thay Giám đốc sở điều hành các hoạt động của sở. Phó Giám đốc sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;
- d) Việc bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo quy định của Đảng và Nhà nước;
- đ) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố, theo tiêu chuẩn chức danh do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

2. Số lượng cấp phó phòng, ban, đơn vị thuộc Sở

a) Số lượng Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở thực hiện theo quy định của pháp luật;

b) Số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, cấp phó của người đứng đầu phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định.

Điều 5. Biên chế công chức, số lượng người làm việc

1. Biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức, tổng số lượng người làm việc của các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu chức danh công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hằng năm Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao trình Ủy ban nhân dân Thành phố để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện:

1. Chuyển đổi cơ quan chủ quản đối với các đơn vị thuộc Sở trong trường hợp cần thiết.

2. Tiếp nhận thẩm quyền, trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với Trường Phổ thông dân lập Hermann Gmeiner. Đồng thời, tiếp tục chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu chuyển đổi loại hình đối với Trường Phổ thông dân lập Hermann Gmeiner theo quy định hiện hành.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện chuyển giao, tiếp nhận, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, tài liệu, con dấu, trụ sở làm việc, tài chính, tài sản (nếu có) theo quy định, hoàn thành trước ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 và thay thế Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Sơn

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

*(kèm theo Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Tên đơn vị	Ghi chú
*	Khối các trường Trung học phổ thông, Trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là Trung học phổ thông (122)	
1	Trường Trung học phổ thông chuyên Chu Văn An	
2	Trường Trung học phổ thông chuyên Hà Nội - Amsterdam	
3	Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Huệ	
4	Trường Trung học phổ thông chuyên Sơn Tây	
5	Trường Trung học phổ thông Ba Vì	
6	Trường Trung học phổ thông Bắc Lương Sơn	
7	Trường Trung học phổ thông Bắc Thăng Long	
8	Trường Trung học phổ thông Bất Bạt	
9	Trường Trung học phổ thông Cao Bá Quát - Gia Lâm	
10	Trường Trung học phổ thông Cao Bá Quát - Quốc Oai	
11	Trường Trung học phổ thông Cầu Giấy	
12	Trường Trung học phổ thông Chúc Động	
13	Trường Trung học phổ thông Chương Mỹ A	
14	Trường Trung học phổ thông Chương Mỹ B	
15	Trường Trung học phổ thông Cổ Loa	
16	Trường Trung học phổ thông Đa Phúc	
17	Trường Trung học phổ thông Đại Cồ Việt	
18	Trường Trung học phổ thông Đại Mỗ	

19	Trường Trung học phổ thông Đan Phượng	
20	Trường Trung học phổ thông Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	
21	Trường Trung học phổ thông Đông Anh	
22	Trường Trung học phổ thông Đông Đa	
23	Trường Trung học phổ thông Đông Mỹ	
24	Trường Trung học phổ thông Đồng Quan	
25	Trường Trung học phổ thông Dương Xá	
26	Trường Trung học phổ thông Hai Bà Trưng - Thạch Thất	
27	Trường Trung học phổ thông Hoài Đức A	
28	Trường Trung học phổ thông Hoài Đức B	
29	Trường Trung học phổ thông Hoài Đức C	
30	Trường Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ	
31	Trường Trung học phổ thông Hoàng Cầu	
32	Trường Trung học phổ thông Hồng Thái	
33	Trường Trung học phổ thông Hợp Thanh	
34	Trường Trung học phổ thông Khương Đình	
35	Trường Trung học phổ thông Kim Anh	
36	Trường Trung học phổ thông Kim Liên	
37	Trường Trung học phổ thông Lê Lợi	
38	Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn - Đống Đa	
39	Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn - Hà Đông	
40	Trường Trung học phổ thông Liên Hà	

41	Trường Trung học phổ thông Lưu Hoàng	
42	Trường Trung học phổ thông Lý Thường Kiệt	
43	Trường Trung học phổ thông Lý Tử Tấn	
44	Trường Trung học phổ thông Mê Linh	
45	Trường Trung học phổ thông Minh Hà	
46	Trường Trung học phổ thông Minh Khai	
47	Trường Trung học phổ thông Minh Phú	
48	Trường Trung học phổ thông Minh Quang	
49	Trường Trung học phổ thông Mỹ Đình	
50	Trường Trung học phổ thông Mỹ Đức A	
51	Trường Trung học phổ thông Mỹ Đức B	
52	Trường Trung học phổ thông Mỹ Đức C	
53	Trường Trung học phổ thông Ngô Quyền - Ba Vì	
54	Trường Trung học phổ thông Ngô Thị Nhậm	
55	Trường Trung học phổ thông Ngọc Hồi	
56	Trường Trung học phổ thông Ngọc Tảo	
57	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Du - Thanh Oai	
58	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Gia Thiều	
59	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Quốc Trinh	
60	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai	
61	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi - Ba Đình	
62	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi - Thường Tín	
63	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Cừ	

64	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Trỗi	
65	Trường Trung học phổ thông Nhân Chính	
66	Trường Trung học phổ thông Phạm Hồng Thái	
67	Trường Trung học phổ thông Phan Đình Phùng	
68	Trường Trung học phổ thông Phan Huy Chú - Quốc Oai	
69	Trường Trung học phổ thông Phan Huy Chú - Đống Đa	
70	Trường Trung học phổ thông Phú Xuyên A	
71	Trường Trung học phổ thông Phú Xuyên B	
72	Trường Trung học phổ thông Phúc Lợi	
73	Trường Trung học phổ thông Phúc Thọ	
74	Trường Trung học phổ thông Phùng Khắc Khoan	
75	Trường Trung học phổ thông Quang Minh	
76	Trường Trung học phổ thông Quảng Oai	
77	Trường Trung học phổ thông Quang Trung - Đống Đa	
78	Trường Trung học phổ thông Quang Trung - Hà Đông	
79	Trường Trung học phổ thông Quốc Oai	
80	Trường Trung học phổ thông Sóc Sơn	
81	Trường Trung học phổ thông Tân Dân	
82	Trường Trung học phổ thông Tân Lập	
83	Trường Trung học phổ thông Tây Hồ	
84	Trường Trung học phổ thông Thạch Bàn	
85	Trường Trung học phổ thông Thạch Thất	

86	Trường Trung học phổ thông Thăng Long	
87	Trường Trung học phổ thông Thanh Oai A	
88	Trường Trung học phổ thông Thanh Oai B	
89	Trường Trung học phổ thông Thượng Cát	
90	Trường Trung học phổ thông Thọ Xuân	
91	Trường Trung học phổ thông Thường Tín	
92	Trường Trung học phổ thông Tiền Phong	
93	Trường Trung học phổ thông Tiến Thịnh	
94	Trường Trung học phổ thông Tô Hiệu - Thường Tín	
95	Trường Trung học phổ thông Trần Đăng Ninh	
96	Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo - Hà Đông	
97	Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	
98	Trường Trung học phổ thông Trần Nhân Tông	
99	Trường Trung học phổ thông Trần Phú - Hoàn Kiếm	
100	Trường Trung học phổ thông Trung Giã	
101	Trường Trung học phổ thông Trung Văn	
102	Trường Trung học phổ thông Trương Định	
103	Trường Trung học phổ thông Tự Lập	
104	Trường Trung học phổ thông Tùng Thiện	
105	Trường Trung học phổ thông Ứng Hoà A	
106	Trường Trung học phổ thông Ứng Hoà B	
107	Trường Trung học phổ thông Vân Cốc	
108	Trường Trung học phổ thông Vân Nội	

109	Trường Trung học phổ thông Vân Tảo	
110	Trường Trung học phổ thông Vạn Xuân - Hoài Đức	
111	Trường Trung học phổ thông Việt Đức	
112	Trường Trung học phổ thông Việt Nam - Ba Lan	
113	Trường Trung học phổ thông Xuân Đình	
114	Trường Trung học phổ thông Xuân Giang	
115	Trường Trung học phổ thông Xuân Khanh	
116	Trường Trung học phổ thông Xuân Mai	
117	Trường Trung học phổ thông Xuân Phương	
118	Trường Trung học phổ thông Yên Hoà	
119	Trường Trung học phổ thông Yên Lãng	
120	Trường Trung học phổ thông Yên Viên	
121	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Khương Hạ	
122	Trường Phổ thông dân tộc nội trú	
*	Khối Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp (09)	
1	Trường Trung cấp nghề số 1 Hà Nội	
2	Trường Trung cấp nghề Tổng hợp Hà Nội	
3	Trường Trung cấp nghề Giao thông công chính Hà Nội	
4	Trường Trung cấp nghề Cơ khí I Hà Nội	
5	Trường Trung cấp nghề Nấu ăn - Nghiệp vụ du lịch và Thời trang Hà Nội	
6	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật và Công nghệ Hà Nội	
7	Trường Trung cấp Xây dựng Hà Nội	
8	Trường Trung cấp Kỹ thuật tin học Hà Nội	

9	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Thăng Long	
*	Trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội	
*	Khối trường dành cho học sinh khuyết tật (03)	
1	Trường Tiểu học Bình Minh	
2	Trường Phổ thông cơ sở Nguyễn Đình Chiểu	
3	Trường Phổ thông cơ sở Xã Đàn	
*	Khối trường mầm non (02)	
1	Trường Mầm non B	
2	Trường Mầm non Việt triều Hữu nghị	